

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

-----oOo-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

PURCHASE AND SALE CONTRACT

Số/No:

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Pursuant to the Civil Code No 91/2015/QH13 issued by National Assembly of Socialist Republic of Vietnam;

- Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI, thông qua ngày 14/06/2005;

Pursuant to the Commercial Law QH13 issued by the XI National Assembly of Socialist Republic of Vietnam on June 14, 2015;

Hôm nay, ngày tháng năm....., chúng tôi gồm:

Today, on [date, month, year], we include:

Bên mua (Bên A)/Buyer (Party A):

- Địa chỉ/Address :
- Điện thoại/Tel : Fax:
- Mã số thuế/Tax code:
- Tài khoản/Account number :
- Hoặc Tài khoản/or account number :
- Đại diện/Representative : Chức vụ/Position:

Bên bán (Bên B)/Seller (Party B) :

- Địa chỉ/Address :
- Điện thoại/Tel : Fax:
- Mã số thuế/Tax code:
- Tài khoản/Account number :
- Hoặc Tài khoản/or account number :
- Đại diện/Representative : Chức vụ/Position:

Sau khi bàn bạc đã cùng tiến hành thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản sau:

After discussion, both parties have agreed to enter into a sales contract with the following terms:

ĐIỀU 1. TÊN HÀNG – GIÁ CẢ - SỐ LƯỢNG – CHỦNG LOẠI – QUY CÁCH
ARTICLE 1. NAME OF GOODS – PRICE – QUANTITY – TYPE OF GOODS - SPECIFICATION

1.1 Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán sản phẩm là :
....., cụ thể như sau:

Party A agreed to purchase, Party B agreed to sells the goods:
....., *specific as follows:*

STT	TÊN SẢN PHẨM <i>NAME OF GOODS</i>	ĐVT <i>UNIT OF MEASUREMENT</i>	SỐ LƯỢNG <i>QUANTITY</i>	ĐƠN GIÁ (VNĐ) <i>UNIT PRICE (VND)</i>	THÀNH TIỀN (VNĐ) <i>TOTAL AMOUNT (VND)</i>
Tổng cộng/Total:					

Chi tiết sản phẩm mua bán thể hiện tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này. Phụ lục là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này.

The details of the purchased products are shown in the Appendix attached to this Contract. The Appendix is an integral part of this Contract and cannot be separated from it.

1.2 Tổng giá trị hợp đồng là : VNĐ (Bằng chữ :).

The total value of the contract is: VND (In words:).

1.3 Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 10% và các chi phí vận chuyển bốc xếp (nếu có).

The unit price includes 10% VAT and transportation and loading costs (if any).

1.4 Trong trường hợp giá cả thị trường có biến động thay đổi tăng hoặc giảm, Bên B sẽ thông báo điều chỉnh giá cho Bên A bằng văn bản và các bên áp dụng theo mức giá mà Bên B đã đưa ra.

In case of market price fluctuations, either an increase or a decrease, Party B shall notify Party A in writing of the price adjustment, and both parties shall apply the price as determined by Party B.

- 1.5** Khối lượng trên là tạm tính. Khối lượng thanh toán căn cứ vào khối lượng hàng hóa giao nhận thực tế theo xác nhận giao hàng có ký nhận giữa hai bên. Trong thời gian kể từ ngày ký kết Hợp đồng này đến trước khi Bên B thực hiện các thủ tục nhập khẩu hàng hóa, trường hợp Bên A yêu cầu thay đổi/bổ sung số lượng, chủng loại, quy cách kỹ thuật và xuất xứ hàng hóa so với Bảng giá trị tại Khoản 1.1 Điều 1 của hợp đồng thì Bên A phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B để Bên B xem xét. Nếu Bên B đồng ý với yêu cầu của Bên A thì Hai Bên ký kết Phụ lục Hợp đồng. Mọi chi phí phát sinh do yêu cầu thay đổi/bổ sung này của Bên A do Bên A chịu trách nhiệm chi trả. Trong trường hợp Bên B không đồng ý với yêu cầu của Bên A thì Bên A phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hợp đồng này và có nghĩa vụ nhận toàn bộ hàng hóa theo số lượng, chủng loại, quy cách kỹ thuật, xuất xứ hàng hóa... nêu tại Hợp đồng này và các Phụ lục liên quan (nếu có).

The stated quantity is provisional. The payment quantity is based on the actual quantity of goods delivered and received, confirmed by both parties' signed delivery acknowledgment. From the date of this Contract's signing until before Party B completes the import procedures, if Party A requests changes/additions to the quantity, type, technical specifications, and origin of the goods compared to the Value List in Clause 1.1 of Article 1 of the Contract, Party A must notify Party B in writing for consideration. If Party B agrees with Party A's request, the two parties will sign a Contract Appendix. All additional costs arising from Party A's request for changes/additions shall be borne by Party A. In case Party B does not agree with Party A's request, Party A must fully perform its obligations under this Contract and is obligated to receive the entire quantity, type, technical specifications, origin of the goods... stated in this Contract and related Appendices (if any).

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 2. PAYMENT METHOD

- 2.1** Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức : (Tiền mặt/Chuyển khoản).

Party A shall make payment to Party B by: (Cash/Bank Transfer).

2.2 Tiến độ thanh toán/ *Payment Schedule:*

- a. Đợt 1 : Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng tương ứng số tiền: VNĐ (Bằng chữ : đồng) trong thời hạn 03 ngày sau khi ký hợp đồng này.

Stage 1: Party A shall advance 30% of the contract value to Party B, equivalent to: VND (In words: dong), within 03 days after signing this contract.

- b. Đợt 2 : Bên A thanh toán cho Bên B đến 70% giá trị Hợp đồng (trong đó đã bao gồm tạm ứng Đợt 1), tương ứng số tiền : VNĐ (Bằng chữ : đồng) trong thời hạn 02 ngày Bên B thông báo giao hàng đến Bên A và trước khi Bên B giao hàng.

Stage 2: Party A shall pay Party B the remaining 70% of the contract value (including the advance payment from Stage 1), amounting to: VNĐ (In words: dong), within 02 days after Party B notifies Party A of the delivery and before Party B delivers the goods.

- c. Đợt 3 Quyết toán : Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị đơn hàng cụ thể (trong đó đã bao gồm tạm ứng đợt 1, thanh toán Đợt 2) trong vòng 05 ngày sau khi giao hàng và Bên B cung cấp các hồ sơ thanh toán sau:

Final Settlement Stage 3: Party A shall settle the full 100% of the specific order value (including the advance payment from Stage 1 and payment from Stage 2), within 05 days after delivery, provided that Party B provides the following payment documents :

- Hoá đơn GTGT/ VAT invoice
- Phiếu xuất xưởng tủ điện/ Electric cabinet dispatch note
- CO-CQ đối với thiết bị nhập khẩu/ Certificate of Origin and Quality for imported equipment.
- Biên bản giao nhận hàng/ Delivery receipt.

ĐIỀU 3. CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

ARTICLE 3. PRODUCT QUALITY AND TECHNICAL REQUIREMENTS

- 3.1** Các loại hàng hóa do Bên B cung cấp cho Bên A đảm bảo tính hợp pháp, đúng điều kiện tiêu chuẩn, nguồn gốc, thông số kỹ thuật và chất lượng như Bên A đã yêu cầu.

The goods provided by Party B to Party A shall ensure legality, compliance with standard conditions, origin, technical specifications, and quality as requested by Party A.

- 3.2** Bên B sẽ giao hàng có chất lượng tương đương với chất lượng hàng đã nghiệm thu sơ bộ và được Bên A chấp nhận trước khi giao hàng.

Party B shall deliver goods of equivalent quality to the goods preliminarily tested and accepted by Party A before delivery.

- 3.3** Khi giao nhận hàng, hai Bên phải ký vào Biên bản giao nhận. Đây là cơ sở để làm chứng từ thanh toán sau này.

Upon delivery of the goods, both parties must sign the Delivery Receipt. This document serves as the basis for subsequent payment documents.

3.4 Bên B xuất hàng kèm theo đầy đủ các hồ sơ chứng từ, chứng chỉ xuất kho, xuất xưởng, chứng nhận chất lượng... theo yêu cầu của Bên A (nếu có).

Party B shall ship the goods accompanied by complete documentation, warehouse release certificates, dispatch notes, quality certifications, as required by Party A (if any).

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG

ARTICLE 4. DELIVERY METHOD

4.1 Thời gian thực hiện Hợp đồng: Bên B thực hiện công việc theo quy định tại Điều 1.1 Hợp đồng này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng của Bên A.

Contract Performance Time: Party B shall fulfill the obligations as stipulated in Clause 1.1 of this Contract within 90 (ninety) days from the date of receiving the advance payment from Party A.

4.2 Địa điểm giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A trong phạm vi TP Đà Nẵng trên phương tiện bên bán, tại địa chỉ (ghi địa chỉ cụ thể).

Delivery Location: Party B shall deliver the goods to Party A within the city of Da Nang using a third-party carrier, at the address (specify the specific address).

4.3 Phương thức giao hàng: Khi tiến hành nhận hàng, Bên A phải có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ, nếu phát hiện hàng thiếu hoặc hỏng, vỡ không đúng tiêu chuẩn chất lượng thì phải lập biên bản tại chỗ yêu cầu Bên B hoặc bên vận tải xác nhận. Nếu không phát hiện lỗi, hỏng, thiếu hoặc không đúng quy cách chất lượng từ hàng hóa thì bên A phải kết hợp với Bên B ký vào biên bản bàn giao hàng hóa để tiện cho các thủ tục thanh lý Hợp đồng về sau. Bên A sẽ phải trả toàn bộ chi phí vận chuyển, đóng gói và bảo hiểm nếu Bên A yêu cầu Bên B vận chuyển hàng hóa đến địa điểm khác với quy định trong hợp đồng. Thời điểm chuyển đổi rủi ro hàng hóa phát sinh kể từ thời điểm Bên B giao hàng đến địa điểm các bên đã thỏa thuận.

Delivery Method: Upon receipt of the goods, Party A is responsible for inspecting the quality, specifications, and condition of the goods on the spot. If any shortage, damage, or deviation from the specified quality standards is found, Party A must immediately draft a report requiring confirmation from Party B or the transport provider. If no issues are found with the goods regarding shortages, damage, or quality deviations, Party A must collaborate with Party B to sign a handover protocol for ease of future contract settlement procedures. Party A shall bear all transportation, packaging, and insurance costs if Party A requests Party B to deliver the goods to a location other than specified in the contract. The transfer of risk for the goods shall occur from the moment Party B delivers the goods to the agreed-upon location.

Trường hợp Bên A không có người nhận hàng, không chuẩn bị kho hàng theo quy định tại Điều này hoặc không thực hiện nhận hàng hoặc không ký vào biên bản giao

hàng hóa thì Bên B chuyển hàng về kho của Bên B. Lúc này, Bên A phải cử người và phương tiện đến nhận hàng tại kho của Bên B sau khi đã thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

In case Party A does not have a recipient available, fails to prepare the warehouse as specified in this clause, or does not accept the delivery or sign the delivery protocol, Party B shall return the goods to Party B's warehouse. In this situation, Party A must send personnel and vehicles to collect the goods at Party B's warehouse after paying all related incurred expenses.

- 4.4 Thông báo giao hàng:** Bộ phận bán hàng của Bên B sẽ thông báo cho Bên A trước 03 ngày khi giao hàng, Bên A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần 2 theo Điều 2 Hợp đồng này và có nghĩa vụ bố trí người nhận hàng, chuẩn bị kho hàng trước thời điểm giao hàng.

Delivery Notification: The sales department of Party B shall notify Party A at least 3 days prior to delivery. Party A is obligated to fulfill the second payment obligation as per Article 2 of this Contract and arrange for a recipient to receive the goods and prepare the warehouse before the delivery date.

Khi nhận được thông báo giao hàng của Bên B thì Bên A có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật đến xưởng của Bên B để kiểm tra hàng hoá trước khi nhận hàng. Trường hợp Bên A không cử cán bộ kỹ thuật đến sau 02 ngày Bên B thông báo thì Các Bên thống nhất xác định hàng hóa đã được kiểm tra hoàn thành và đủ điều kiện để Bên B giao hàng cho Bên A.

Upon receiving the delivery notification from Party B, Party A is responsible for sending technical personnel to Party B's workshop to inspect the goods before accepting them. If Party A fails to send technical personnel within 2 days after Party B's notification, both parties agree to consider the goods as inspected and ready for delivery to Party A by Party B.

- 4.5 Thời điểm chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa từ Bên B sang Bên A được tính kể từ thời điểm Bên A hoàn thành 100% việc thanh toán cho Bên B. Trường hợp Bên A chưa thanh toán đầy đủ 100% giá trị hợp đồng này cho Bên B thì Bên B được bảo lưu quyền sở hữu đối với toàn bộ hàng hóa đã bàn giao cho Bên A.**

The transfer of ownership rights for the goods from Party B to Party A shall be effective from the moment Party A completes 100% payment to Party B. In the event that Party A has not paid the full 100% of the contract value to Party B, Party B reserves the right of ownership over all goods delivered to Party A.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 5. LIABILITIES OF PARTIES

2.1 Trách nhiệm của Bên mua (Bên A)/Liabilities of Buyer (Party A)

- a. Phải gửi Đơn đặt hàng cho Bên B trước ngày.

Must send the Purchase Order to Party B at least days in advance.

- b. Kiểm tra chất lượng, số lượng, quy cách sản phẩm khi nhận hàng.

Inspect the quality, quantity, and specifications of the products upon receipt.

- c. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B.

Make full and timely payment to Party B.

- d. Bố trí thời gian và địa điểm giao hàng theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Arrange the delivery time and location according to the agreement in the Contract.

- e. Cử cán bộ tiếp nhận khi Bên B giao hàng.

Assign personnel to receive the goods when delivered by Party B.

- f. Kiểm tra và ký xác nhận hàng theo Biên bản bàn giao của Bên B.

Inspect and sign the goods confirmation in accordance with Party B's handover protocol.

- g. Sử dụng hàng hóa theo đúng hướng dẫn kỹ thuật mà Bên B cung cấp.

Use the goods according to the technical instructions provided by Party B.

- h. Có nghĩa vụ nhận bàn giao trong thời hạn Bên B yêu cầu. Trường hợp quá thời hạn 02 ngày kể từ ngày Bên B yêu cầu nhận bàn giao Bên A không nhận bàn giao thì mặc nhiên xác định Bên A đã bàn giao, hàng hóa đáp ứng đầy đủ điều kiện.

Shall accept handover within the timeframe requested by Party B. In case of delay beyond 02 days from the date Party B requests handover and Party A fails to accept handover, it is presumed that Party A has accepted the handover, and the goods meet all conditions.

- i. Các trách nhiệm khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

Other responsibilities as stipulated in this Contract and in accordance with legal regulations.

2.2 Trách nhiệm của Bên bán (Bên B)/Liabilities of Seller (Party B)

- a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ số lượng, chất lượng, chủng loại theo Đơn đặt hàng của Bên A. Nếu không đúng chỉ tiêu chất lượng, Bên A sẽ trả hàng và Bên B phải hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng (nếu có).

Timely and fully supply the quantity, quality, and type as per the Purchase Order of Party A. In case of non-compliance with quality standards, Party A reserves the right to return the goods, and Party B must refund the entire advance payment (if any).

- b. Cung cấp các chứng chỉ xuất xưởng chất lượng liên quan đến hàng hóa do Bên A yêu cầu khi giao nhận hàng (nếu có).

Provide relevant quality and manufacturing certificates requested by Party A upon delivery (if any).

- c. Xuất hóa đơn cho Bên A sau khi hai bên hoàn thành việc giao hàng và thanh toán.

Issue an invoice to Party A after both parties have completed the delivery and payment.

- d. Có quyền từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật.

Have the right to refuse to fulfill any illegal requests.

- e. Đồng thời, cho đến khi Bên A thực hiện đầy đủ trách nhiệm thanh toán đúng hạn 100% giá trị Hợp đồng này, Bên B có quyền bảo lưu quyền sở hữu toàn bộ hàng hóa theo Hợp đồng này và có quyền thu hồi lại hàng hóa đã trước đó đã bàn giao cho Bên A khi Bên A chưa thanh toán đủ 100% giá trị Hợp đồng.

Simultaneously, until Party A fully fulfills the timely payment responsibilities for 100% of the value of this Contract, Party B reserves the right of ownership over all goods under this Contract and has the right to reclaim the goods previously delivered to Party A when Party A has not paid the full 100% of the Contract value.

- f. Trường hợp Bên A không dùng hết hàng sau khi nhận, Bên B có quyền xem xét nhập lại những chủng loại hàng hóa còn nguyên đai, nguyên kiện, chưa qua sử dụng và đáp ứng các yêu cầu khác của Bên B theo giá trị do Bên B yêu cầu. Trong trường hợp Bên B không đồng ý nhập lại hàng hóa này, Bên A có trách nhiệm nhận, bảo quản và tự chịu trách nhiệm đối với hàng hóa đồng thời phải thực hiện thanh toán đầy đủ, các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này.

In case Party A does not fully utilize the goods after receipt, Party B has the right to consider repurchasing the unused, intact goods that have not been used, and meet other requirements specified by Party B at the value requested by Party B. If Party B does not agree to repurchase these goods, Party A is responsible for accepting, storing, and independently bearing responsibility for the goods, while also fulfilling full payment and other obligations under this Contract.

- g. Các quyền hạn khác theo quy định tại Hợp đồng này, theo pháp luật.

Other rights and obligations as stipulated in this Contract, in accordance with the law.

ĐIỀU 6. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

ARTICLE 6. VIOLATION PENALTIES AND COMPENSATION FOR DAMAGES

- 6.1** Phạt do không nhận giao hàng: Trường hợp Bên A không nhận bàn giao trong thời hạn theo yêu cầu của Bên B thì Bên A phải chịu phạt 2% (hai phần trăm) giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm nhận giao hàng nhưng không quá 10 ngày. Nếu quá 10 ngày Bên B có quyền phạt vi phạm Bên A với mức phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng, yêu cầu Bên A thanh toán các chi phí phát sinh, bồi thường thiệt hại cho Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên B yêu cầu.

Penalty for Failure to Accept Delivery: In the event that Party A fails to accept delivery within the timeframe specified by Party B, Party A shall incur a penalty of 2% (two percent) of the contract value for each day of delay in accepting delivery, but not exceeding 10 days. If the delay exceeds 10 days, Party B reserves the right to impose a penalty of 8% (eight percent) of the contract value on Party A, and require Party A to pay any incurred expenses and compensate Party B for damages within 10 days from the date of Party B's demand.

- 6.2** Phạt do thanh toán không đúng đầy đủ, đúng thời hạn: Trong trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu tại Hợp đồng này thì Bên A phải chịu phạt 2% (hai phần trăm) giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm thanh toán nhưng không quá 10 ngày. Nếu quá 10 ngày Bên B có quyền phạt vi phạm Bên A với mức phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng. Đồng thời, Bên B có quyền tiến hành chấm dứt Hợp đồng đối với Bên A mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào; Bên B được quyền thu hồi lại toàn bộ hàng hóa đã bàn giao trước đó, thu hồi các bảo lãnh (nếu có); giữ lại toàn bộ các khoản tiền đã nhận đồng thời yêu cầu Bên A phải bồi thường cho Bên B các khoản thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng này.

Penalty for Incorrect or Delayed Payment: In the event that Party A breaches the payment obligations under this Contract, Party A shall incur a penalty of 2% (two percent) of the contract value for each day of delayed payment, not exceeding 10 days. If the delay exceeds 10 days, Party B reserves the right to impose a penalty of 8% (eight percent) of the contract value on Party A. Additionally, Party B has the right to terminate the Contract with Party A without any penalty or compensation; Party B may reclaim all goods previously delivered, recover any guarantees (if any), retain all received payments, and require Party A to compensate Party B for any damages arising from the termination of this Contract.

- 6.3** Trường hợp Bên A vi phạm bất cứ quy định nào tại Hợp đồng này, Bên A phải chịu phạt 8% (tám phần trăm) giá trị Hợp đồng và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên B theo yêu cầu của Bên B.

In the event that Party A violates any provision of this Contract, Party A shall incur a penalty of 8% (eight percent) of the contract value and compensate Party B for any resulting damages as demanded by Party B.

- 6.4** Phạt đơn phương chấm dứt hợp đồng: Bên A không được đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 13 và Điều 15 hợp đồng này. Nếu Bên A vi phạm, Bên B có quyền thu hồi và sở hữu toàn bộ hàng hóa đã giao cho Bên A, thu hồi bảo lãnh (nếu có), được quyền giữ lại toàn bộ số tiền đã nhận từ Bên A và phạt Bên A 8% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng bị vi phạm, đồng thời Bên A phải bồi thường cho Bên B các khoản thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt hợp đồng này.

Unilateral Termination Penalty: Party A shall not unilaterally terminate the Contract prematurely, except as stipulated in Articles 13 and 15 of this Contract. In

case of breach by Party A, Party B has the right to reclaim and retain all goods delivered to Party A, recover any guarantees (if any), retain all amounts received from Party A, impose a penalty of 8% (eight percent) of the contract value breached by Party A, and Party A must compensate Party B for any damages arising from the termination of this Contract.

- 6.5** Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu Bên nào vi phạm gây thiệt hại cho Bên kia thì có trách nhiệm bồi thường thiệt hại căn cứ vào mức thiệt hại xảy ra trên thực tế và các Bên phải có nghĩa vụ chứng minh khi được yêu cầu.

Compensation for Contractual Breach Damages: During the performance of this Contract, if either Party breaches and causes damages to the other Party, they shall be liable to compensate for the actual damages incurred. Both Parties have the obligation to provide evidence of damages when requested.

ĐIỀU 7. BẢO HÀNH

ARTICLE 7. WARRANTY

- 7.1** Bên B đảm bảo hàng hóa cung cấp là hàng mới 100%, chất lượng tốt và các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với yêu cầu kỹ thuật được mô tả trong hợp đồng. Mọi lý do sử dụng không đúng với bản hướng dẫn Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành.

Party B warrants that the goods supplied are 100% new, of good quality, and meet the technical specifications as described in the contract. Party B shall not be responsible for warranty in cases where the goods are used improperly contrary to the instructions provided.

- 7.2** Thời hạn bảo hành là tháng kể từ ngày Bên B giao hàng cho Bên A.

The warranty period is ... months from the date Bên B delivers the goods to Bên A.

- 7.3** Trong thời gian bảo hành, nếu có bất kỳ một phần hoặc toàn bộ sản phẩm bị hỏng hóc hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật như trong Hợp đồng Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B bằng điện thoại và văn bản kèm theo biên bản sự cố máy giữa Bên A và cơ quan quản lý điện sở tại trong thời vòng 48 (Bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hành.

During the warranty period, if any part or the entire product is damaged or does not meet technical standards as specified in the Contract, Party A is responsible for notifying Party B via telephone and in writing, accompanied by an incident report between Party A and the electrical management agency within 48 hours from the time the warranty responsibility arises.

Sau khi nhận được Thông báo hợp lệ của Bên A, Bên B tiến hành xem xét lỗi, nếu lỗi được xác định là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B không đạt chất lượng như quy định trong Hợp đồng thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa và khắc phục, nếu không thể sửa chữa được thì Bên B thay thế bằng sản phẩm mới cho Bên

A. Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành nếu lỗi được xác định không phải là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B. Đồng thời, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với công việc sửa chữa do Bên A và Bên thứ ba thực hiện.

After receiving a valid notification from Party A, Party B will proceed to assess the fault. If the fault is determined to be due to the materials and manufacturing techniques of Party B not meeting the quality standards specified in the Contract, Party B will bear all repair and remedial costs. If repair is not feasible, Party B will replace the product with a new one for Party A. Party B shall not be responsible for warranty if the fault is determined not to be due to Party B's materials and manufacturing techniques. Additionally, Party B shall bear no responsibility for any repair work performed by Party A or third parties.

7.4 Nếu do Bên A mà hàng hóa bị trễ hạn bàn giao trong thời hạn 02 tháng thì nghĩa vụ bảo hành của Bên B sẽ không áp dụng cho bất kỳ khiếm khuyết, khuyết tật nào được phát hiện quá 02 tháng sau ngày hết hạn bảo hành theo kế hoạch thông thường.

If due to Party A, the goods are delayed in delivery beyond the 2-month deadline, Party B's warranty obligation shall not apply to any defects discovered more than 2 months after the expiration of the warranty period as per the regular schedule.

7.5(03) Ba tháng trước khi hết hạn bảo hành, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra Hàng hóa được lắp đặt để kiểm tra xem có khiếm khuyết, khuyết tật nào hay không. Bên B có quyền được tham gia cuộc kiểm tra này. Trong vòng 10 ngày sau khi kiểm tra, Bên A phải thông báo cho Bên B bất kỳ lỗi nào được phát hiện. Nếu không có khiếm khuyết, khuyết tật nào được phát hiện trong đợt kiểm tra này thì Bên A không có quyền thông báo hoặc yêu cầu bảo hành sau đó.

Three months before the expiration of the warranty period, Party A will conduct an inspection of the installed goods to check for any defects. Party B has the right to participate in this inspection. Within 10 days after the inspection, Party A must notify Party B of any defects discovered. If no defects are found during this inspection, Party A has no right to notify or request warranty thereafter.

ĐIỀU 8. ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 8. TERMINATION OF CONTRACT UNILATERALLY

8.1 Bên B quyền tạm ngưng thực hiện Hợp đồng và được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

Party B has the right to temporarily suspend the performance of the Contract and is entitled to unilaterally terminate the Contract prematurely in the following cases:

- a. Trường hợp Bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc địa điểm làm việc không an toàn, bất hợp pháp thì Bên B, sau khi thông báo cho Bên A được quyền tạm ngưng hoặc giảm tỷ

lệ thực hiện Hợp đồng. Nếu sau đó Bên B nhận được các khoản tiền thanh toán từ Bên A và các trường hợp khác được khắc phục trước khi Bên B đưa ra thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng thì Bên B sẽ tiếp tục làm việc bình thường ngay khi có thể.

In case Party A fails to fulfill the payment obligations under the Contract and/or any obligations specified herein and/or if the work location is unsafe or unlawful, Party B, after notifying Party A, has the right to temporarily suspend or reduce the performance of the Contract. If thereafter Party B receives the payments from Party A and other issues are rectified before Party B issues a unilateral termination notice, Party B shall resume normal operations as soon as practicable.

b. Bên B được quyền chấm dứt Hợp đồng khi:

Party B is entitled to terminate the Contract when:

i Bên A vi phạm nghĩa vụ Trả ứng, thanh toán nêu tại Hợp đồng này;

Party A breaches the obligations of advance payment and payment as stipulated in this Contract;

ii Bên A vi phạm bất cứ nghĩa vụ cơ bản nào nêu tại Hợp đồng này;

Party A breaches any fundamental obligation as stipulated in this Contract;

iii Bên A chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp nhận của Bên B;

Party A transfers the Contract without the consent of Party B;

iv Bên A lâm vào tình trạng phá sản, bị tuyên bố phá sản, phải kinh doanh dưới sự giám sát hoặc bất kỳ trường hợp nào tương tự như vậy đe dọa nghiêm trọng đến khả năng thực hiện hợp đồng này.

Party A becomes bankrupt, is declared bankrupt, operates under supervision, or any similar situation that seriously threatens the ability to perform this Contract.

8.2 Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trước ít nhất 03 (ba) ngày trước khi thực hiện. Riêng trường hợp tại điểm iii, iv phần B Điều này, Bên B được quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức. Việc Bên B chấm dứt hợp đồng theo các trường hợp trên sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên B theo hợp đồng.

Party B's unilateral termination of the contract before its term must be notified to Party A in writing at least 03 (three) days in advance of implementation. However, in cases under iii and iv of this Section B of this Article, Party B reserves the right to terminate the contract immediately. Party B's termination of the contract under these circumstances shall not affect Party B's other rights under the contract.

8.3 Sớm nhất có thể sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng và không muộn hơn 35 (ba mươi lăm) ngày sau khi thông báo, Bên A và Bên B sẽ thảo luận và xác định giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng và tiến hành hoàn tất thủ tục thanh toán trước khi thanh lý hợp đồng. Kết quả của việc hợp đồng bị chấm dứt là Bên A phải

hoàn trả lại cho Bên B bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Bên B được quyền thu hồi và sở hữu hợp pháp tất cả hàng hóa nêu tại Hợp đồng này và yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại cho Bên B theo yêu cầu của Bên B.

As soon as possible after the termination notice and no later than thirty-five (35) days after the notice, Party A and Party B shall discuss and determine the contract value at the termination date and complete the payment procedures before liquidating the contract. The result of the contract termination is that Party A must return to Party B the advance payment guarantee and performance guarantee; Party B is entitled to reclaim and legally own all goods specified in this Contract and demand Party A to compensate Party B for damages as requested by Party B.

ĐIỀU 9. THANH LÝ HỢP ĐỒNG

ARTICLE 9. CONTRACT LIQUIDATION

9.1 Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

The contract is liquidated in the following cases:

- a. Các Bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng này.

The Parties have fulfilled all their rights and obligations to each other under this contract.

- b. Hợp đồng bị chấm dứt theo Điều 8 Hợp đồng này.

The contract is terminated in accordance with Clause 8 of this contract.

- c. Theo thỏa thuận giữa các Bên.

By mutual agreement of the Parties.

9.2 Việc thanh lý hợp đồng phải được lập thành văn bản có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên và phải được thực hiện trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày đủ điều kiện thanh lý.

The contract liquidation must be documented in writing, signed by the authorized representatives of both Parties, and completed within 45 (forty-five) days from the date the conditions for liquidation are met.

ĐIỀU 10. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 10. FORCE MAJEURE

Sau khi hợp đồng có hiệu lực, tất cả các trường hợp xảy ra ngoài sự kiểm soát của các bên ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ hợp đồng được coi là trường hợp bất khả kháng.

After the contract becomes effective, any circumstances beyond the control of the parties that directly affect the performance of all or part of the contractual obligations are considered force majeure events.

Trường hợp bất khả kháng bao gồm, nhưng không hạn chế, các trường hợp sau đây:

Force majeure events include, but are not limited to, the following:

- Thiên tai/ *Natural disasters.*
- Động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm họa thiên nhiên khác.
Earthquakes, fires, floods, epidemics, and other natural disasters.
- Chiến tranh, phá hoại, nội chiến.
- War, sabotage, civil war.

Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng do trường hợp bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho phía bên kia và không quá 15 ngày sau khi sự việc xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự việc.

The party encountering force majeure preventing the fulfillment of contractual obligations must promptly notify the other party in writing within 15 days of the event's occurrence. This notice should specify the commencement date, duration, and estimated end date of the event.

Trong trường hợp sự việc bất khả kháng được hai bên công nhận là đúng, bên gặp trường hợp bất khả kháng sẽ được trì hoãn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng với thời gian tương ứng xảy ra bất khả kháng và không phải chịu bất cứ một thiệt hại nào do việc bất khả kháng gây ra.

In cases where force majeure is mutually acknowledged as valid, the affected party will be granted a postponement of contractual obligations for the corresponding duration of the force majeure event. The affected party shall not be liable for any damages arising from the force majeure event.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ARTICLE 11. OTHER REGULATIONS

11.1 Chống trục lợi/ *Anti-Profiteering*

Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

"Profiteering" refers to the act of taking advantage of one's position, job, delegated authority, circumstances, or opportunities to benefit oneself or a group during the bidding, negotiation, signing, or execution of this Contract.

Hai bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.

Each party commits not to pay/receive commission; not to pay/receive discounts, price differentials; not to cover up, support, promote profiteering behaviors of any individual, organization; not to engage in any similar acts in any form before, during, and after the execution of the Contract.

Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

If Party A discovers such profiteering behaviors as described above, Party A is obligated to immediately notify Party B and cooperate with Party B to handle the situation. In the event that Party B discovers such behaviors without prior notification from Party A, Party B has the immediate right to terminate the cooperation, terminate the effective Contract with Party A without any penalties; Party A must compensate for the damages incurred by Party B due to the termination of the Contract. Additionally, Party A shall be subject to a penalty of 8% of the total value of this Contract.

11.2 Quy định về đăng tải thông tin trên mạng xã hội, phương tiện truyền thông

Regulations regarding Posting Information on Social Media and Media Channels.

Dưới bất kỳ mọi hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp, chủ quan hay khách quan thì/ Under any circumstances, whether direct or indirect, subjective or objective:

- a. Bên A sẽ không phát tán thông tin, hình ảnh, video/audio có chứa nội dung liên quan đến Hợp đồng, Dự án, Công trình và các thông tin nhạy cảm khác có liên quan mà chưa được phép của Bên B.

Party A shall not disseminate information, images, videos/audio containing content related to the Contract, Project, Works, and other sensitive related information without the permission of Party B, whether directly or indirectly, subjectively or objectively.

- b. Bên A sẽ không phát tán, truyền bá những thông tin sai lệch, xuyên tạc nội dung thông tin liên quan đến Dự án, Chủ đầu tư, Tổng thầu...

b. Party A shall not disseminate or propagate inaccurate, distorted information related to the Project, Investor, General Contractor, etc.

Nếu Bên A vi phạm quy định về việc đăng tải thông tin trên mạng xã hội, phương tiện truyền thông thì Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng này và bồi thường thiệt hại do hành vi của Bên A gây ra.

If Party A violates the regulations regarding posting information on social media and media channels, Party B has the right to terminate the cooperation, terminate the effective Contract with Party A without any penalties; Party A must compensate for the damages incurred by Party B due to the termination of the Contract. Additionally, Party A shall be subject to a penalty of 8% of the total value of this Contract and compensation for damages caused by Party A's actions.

Hiệu lực của Điều 11 không phụ thuộc vào hiệu lực của Hợp đồng, và chỉ hết hiệu lực sau 5 năm kể từ ngày Hợp đồng này chấm dứt.

The effectiveness of Clause 11 is independent of the validity of the Contract and shall only expire after 5 years from the date of termination of this Contract.

ĐIỀU 12. THÔNG BÁO

ARTICLE 12. NOTIFICATION

12.1. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, mọi thay đổi về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi trong các điều khoản đã thỏa thuận, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt và gửi đến các địa chỉ ở phần đầu Hợp đồng này hoặc địa chỉ thay đổi sau này theo thông báo của Hai Bên.

Any notice, request, information, or changes regarding responsibilities, obligations, and rights under the agreed terms, disputes arising from this Contract must be documented in Vietnamese and sent to the addresses stated at the beginning of this Contract or subsequently changed addresses as notified by both Parties.

12.2. Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, tất cả các thông báo sẽ được gửi qua bưu điện hoặc giao trực tiếp. Khi bưu điện không phát thư được vì bất kỳ lý do gì thì Bên thông báo sẽ thông tin cho Bên kia được biết và gửi thông báo bằng fax hoặc thư điện tử cho Bên kia. Trong một số trường hợp đặc biệt khẩn cấp, một trong Hai Bên đồng ý hình thức thông báo cho Bên kia bằng điện thoại trực tiếp.

In the absence of other agreements, all notices shall be sent by postal mail or delivered in person. If postal delivery is not possible for any reason, the notifying Party shall inform the other Party and send the notice by fax or email. In urgent and exceptional cases, either Party may agree to notify the other Party directly by telephone.

12.3. Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại được coi là đã nhận nếu đúng địa chỉ, đúng tên người nhận, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Khoản 1,2 nêu trên và thời gian được xác định như sau:

Both Parties agree that notices, requests, information, and complaints shall be considered received if sent to the correct address, to the correct recipient's name, using the agreed forms of notification as stipulated in Clauses 1 and 2 above, and within the specified timeframe as follows:

- a. Khi giao trực tiếp: là ngày gửi và có chữ ký của người nhận thông báo;

For hand delivery: the date of delivery with the recipient's signature.

- b. Khi gửi qua bưu điện: sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày đóng dấu bưu điện đến;

When sent by postal mail: within 2 (two) working days from the date of postal stamp.

- c. Khi gửi qua fax: là thời điểm Bên đó nhận được được tín hiệu chuyển fax thành công;

When sent by fax: the time when the receiving Party successfully receives the fax transmission signal.

- d. Trong các trường hợp này, nếu ngày tương ứng rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ của Việt Nam thì các thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch... nói trên sẽ được xem như bên kia nhận được vào ngày kế tiếp.

In these cases, if the corresponding day falls on a Sunday or a public holiday in Vietnam, the notices, requests, complaints, or transaction letters mentioned above shall be deemed received by the other Party on the next business day.

12.4. Hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo... Nếu Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

Both Parties must notify each other in writing of any proposed changes to address, form, recipient's name for notifications. If a Party changes without informing the other, the notifying Party shall not be responsible if the other Party does not receive the notification documents.

ĐIỀU 13. BẢO MẬT

ARTICLE 13. CONFIDENTIAL

13.1. Tại Hợp đồng này, các Thông Tin Mật được hiểu là toàn bộ các thông tin của bất kỳ Bên nào, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các thông tin về hoạt động kinh doanh, thông tin tài chính, cơ cấu tổ chức, thông tin khách hàng, thông tin tiếp thị, bí quyết và bí mật kinh doanh liên quan đến hoạt động của Bên đó, thông tin liên quan đến việc hợp tác theo hợp đồng này hay việc kinh doanh.

In this Contract, Confidential Information shall be understood as all information of either Party, including but not limited to all information about business operations, financial information, organizational structure, customer information, marketing information, trade secrets and business secrets related to the activities of that Party, information related to cooperation under this Contract, or business activities.

13.2. Một Bên đảm bảo, thừa nhận và cam kết với Bên kia rằng: Tất cả các Thông Tin Mật sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích của Hợp đồng này; được bảo mật tuyệt đối; không được sao chép trừ trường hợp thật sự cần thiết trong phạm vi được ủy quyền; và được hoàn trả và/hoặc hủy bỏ sau khi chấm dứt Hợp đồng.

One Party undertakes, acknowledges, and commits to the other Party that: All Confidential Information shall be used solely for the purpose of this Contract; shall be kept strictly confidential; shall not be copied except where truly necessary within the authorized scope; and shall be returned and/or destroyed upon termination of the Contract.

13.3. Nghĩa vụ bảo mật thông tin nêu tại Điều này không được áp dụng cho bất kỳ thông tin nào: (i) là hoặc trở thành một phần của thông tin đã được phổ biến ra công chúng trừ trường hợp thông tin bị tiết lộ là hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này; hoặc (ii) đã được thể hiện trong các báo cáo có trước ngày Hợp đồng này có hiệu lực; hoặc (iii) được tiết lộ một cách độc lập từ một Bên thứ ba có quyền được tiết lộ những thông tin này; hoặc (iv) buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

The obligation to maintain confidentiality as stated in this Clause shall not apply to any information that: (i) is or becomes part of the public domain, except where such disclosure results from a breach of the confidentiality obligations specified in this Contract; or (ii) has been expressed in reports predating the effective date of this Contract; or (iii) is independently disclosed by a third party with the right to disclose such information; or (iv) is required to be disclosed pursuant to applicable law or a court order or by a competent government authority.

13.4. Nếu một Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin và không khắc phục trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, hoặc vi phạm lần 2 thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

If a Party breaches the confidentiality provisions and fails to remedy the breach within 30 days from the date of receiving notice from the aggrieved Party, or commits a second breach, the aggrieved Party has the right to terminate this Contract after providing written notice to the breaching Party.

ĐIỀU 14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE 14. DISPUTE RESOLUTION

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

Any dispute arising out of or in connection with this Contract shall be resolved by arbitration at the Middle Commercial Arbitration Center (MCAC) in accordance with its Arbitration Rules.

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ARTICLE 15. IMPLEMENT PROVISION

15.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong hợp đồng và phụ lục khác kèm theo của hợp đồng này.

Both parties commit to strictly enforce the provisions stipulated in this contract and its accompanying appendices.

15.2. Các vấn đề còn lại không đề cập trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo pháp luật Việt Nam hiện hành.

Any matters not addressed in this contract shall be governed by the current laws of Vietnam.

15.3. Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng, có đầy đủ dấu, chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Các phụ lục hợp đồng này là phần không tách rời và có giá trị pháp lý như hợp đồng.

This contract may be amended or supplemented by agreement through contract appendices, which must bear the full seals and signatures of authorized representatives from both parties. These contract appendices are integral parts of the contract and hold the same legal validity.

15.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày thanh lý.

This contract shall take effect from the date of signing until the date of termination.

15.5. Hợp đồng này được lập thành 05 bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 01 bản.

This contract is executed in 05 copies in Vietnamese, all of which hold equal legal validity. Party A holds 04 copies, and Party B holds 01 copy.

ĐẠI DIỆN BÊN A REPRESENT OF PARTY A	ĐẠI DIỆN BÊN B REPRESENT OF PARTY B
--	--